

Số: 17/2022/QĐST-KDTM

Thành phố Huế, ngày 17 tháng 6 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 6 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 20/2022/TLST-KDTM ngày 09 tháng 5 năm 2022;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Công ty cổ phần X; địa chỉ: Số 84/6 đường C, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Minh T, chức vụ: Giám đốc;

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh B chức vụ: Kế toán viên Công ty cổ phần X (Theo giấy ủy quyền số 04/22/BT-UQ ngày 18/3/2022);

* **Bị đơn:** Công ty TNHH xây dựng N; địa chỉ: Số 52 đường T, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Mạnh H, sinh năm 1963; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên; địa chỉ: Số 76 đường P, phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Công ty TNHH xây dựng N công nhận còn nợ của Công ty cổ phần X số tiền là **435.615.000 đồng** (Bốn trăm ba mươi lăm triệu sáu trăm mười lăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi.

2.2. Phương thức thanh toán như sau:

Đến ngày 31/7/2022, Công ty TNHH xây dựng N phải thanh toán cho Công ty cổ phần X số tiền là **435.615.000 đồng** (Bốn trăm ba mươi lăm triệu sáu trăm mười lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án trong phiên hòa giải trước khi mở phiên tòa nên phải chịu án phí tranh chấp theo quy định là: $[20.000.000 \text{ đồng} + (4\% \times (435.615.000 \text{ đồng} - 400.000.000 \text{ đồng}))]/2 = 10.712.300 \text{ đồng}$ (làm tròn số là 10.712.000 đồng). Công ty TNHH xây dựng N thỏa thuận tự nguyện chịu toàn bộ án phí tranh chấp là **10.712.000 đồng** (Mười triệu bảy trăm mười hai nghìn đồng). Hoàn trả cho Công ty cổ phần X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **10.712.000 đồng** (Mười triệu bảy trăm mười hai nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003237 ngày 05/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu KDTM.

THẨM PHÁN

Trương Thị Đào Vi